

QUY ĐỊNH

Về phân công thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan và phân cấp quyết định giá; trình tự, quy trình thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về phân công thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan và phân cấp quyết định giá; trình tự, quy trình thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

2. Những nội dung không có quy định tại quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá ngày 20/6/2012, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ, Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở quản lý nhà nước chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động định giá, điều chỉnh giá trên địa bàn tỉnh Long An.

Chương II

PHÂN CÔNG THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN VÀ PHÂN CẤP QUYẾT ĐỊNH GIÁ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THUỘC THẨM QUYỀN ĐỊNH GIÁ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 3. Thẩm quyền, trách nhiệm định giá, điều chỉnh giá của các sở quản lý nhà nước chuyên ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

b) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý.

c) Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác do địa phương quản lý.

d) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa,

dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Sở Xây dựng

a) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước, giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.

b) Giá nước sạch sinh hoạt dùng cho các mục đích sử dụng tại đô thị; khu, cụm công nghiệp; khu kinh tế; giá nước sạch khu vực nông thôn đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do doanh nghiệp hoặc đơn vị sự nghiệp tỉnh quản lý.

c) Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

d) Giá dịch vụ sự nghiệp công và giá sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị.

đ) Giá dịch vụ thoát nước.

e) Giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng.

g) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.

h) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Sở Giao thông vận tải

a) Giá dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh.

b) Giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

c) Giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

d) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa.

đ) Giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý.

e) Giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

g) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách.

h) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà

nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

b) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Sở Công Thương

a) Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

c) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Các sở, ngành khác

Theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành, tổ chức định giá, điều chỉnh giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công đối với các đơn vị trực thuộc sở quản lý và hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định giá, điều chỉnh giá cho Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Giá nước sạch khu vực nông thôn đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do Ủy ban nhân dân xã hoặc đơn vị sự nghiệp thuộc cấp huyện quản lý.

2. Các trường hợp khác

Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý về tổ chức, chuyên môn thuộc lĩnh vực chuyên ngành thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc cấp huyện thực hiện định giá, điều chỉnh giá, thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực đó.

Chương III

TRÌNH TỰ, QUY TRÌNH ĐỊNH GIÁ, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ VÀ QUYẾT ĐỊNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH MỨC GIÁ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

Điều 5. Cách thực hiện

1. Sở quản lý nhà nước chuyên ngành

a) Tổ chức định giá, điều chỉnh giá, lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ tại Điều 3 Quy định này chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu định giá theo quy định tại khoản 3 Điều này của các đơn vị, tổ chức, cá nhân gửi đến. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian định giá thì sở quản lý nhà nước chuyên ngành phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho đơn vị, tổ chức, cá nhân biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định phương án giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 quy định này. Sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của sở Tài chính, cơ quan quản lý chuyên ngành trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho cơ quan chuyên môn trực thuộc cấp huyện quản lý về lĩnh vực chuyên môn tổ chức định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 4 quy định này chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu định giá theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian định giá, điều chỉnh giá thì cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ định giá, điều chỉnh giá phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho đơn vị, tổ chức, cá nhân biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

b) Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổ chức thẩm định phương án giá theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 quy định này. Sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Phòng Tài chính - Kế hoạch, cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ định giá, điều chỉnh giá trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 quy định này.

3. Hồ sơ phương án giá

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ và Khoản 6 Điều 2 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

Điều 6. Thẩm định phương án giá

1. Sở Tài chính

a) Tổ chức thẩm định phương án giá chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ phương án giá của sở quản lý nhà nước chuyên ngành.

b) Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian thẩm định phương án giá thì Sở Tài chính phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho cơ quan trình phương án giá biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện

a) Tổ chức thẩm định phương án giá chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ phương án giá của cơ quan chuyên môn cấp huyện.

b) Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian thẩm định phương án giá thì Phòng Tài chính - Kế hoạch phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho cơ quan trình phương án giá biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

Điều 7. Quyết định giá, điều chỉnh mức giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Ban hành quyết định giá, điều chỉnh mức giá chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ trình của sở quản lý nhà nước chuyên ngành có kèm văn bản thẩm định của Sở Tài chính.

b) Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian quyết định giá, điều chỉnh mức giá thì Ủy ban nhân dân tỉnh có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho cơ quan trình phương án giá biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Ban hành quyết định giá, điều chỉnh mức giá chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ trình của cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ định giá, điều chỉnh giá có kèm văn bản thẩm định của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

b) Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian quyết định giá, điều chỉnh mức giá thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho cơ quan trình phương án giá biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Sở Tài chính

a) Triển khai những quy định trong lĩnh vực quản lý giá khi Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn mới.

b) Tổ chức thẩm định phương án giá của sở quản lý nhà nước chuyên ngành khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết khó khăn, vướng mắc trên cơ sở đề nghị của sở quản lý nhà nước chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có).

2. Sở quản lý nhà nước chuyên ngành

a) Tổ chức, triển khai đầy đủ và kịp thời các văn bản pháp luật về giá, quy trình thực hiện để các đơn vị sự nghiệp thuộc sở quản lý; tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện theo đúng quy định.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp; tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng phương án giá thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

c) Tổ chức định giá của các đơn vị sự nghiệp; tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, kiểm tra yếu tố hình thành giá và thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá của các đơn vị sự nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý;

đ) Trường hợp kiến nghị điều chỉnh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá không hợp lý thì phải trả lời cho tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh bằng văn bản.

e) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện thuộc lĩnh vực chuyên ngành, có văn bản đề xuất xử lý gửi về Sở Tài chính. Tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu.

g) Trong quá trình thực hiện nếu vướng về chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành thì sở quản lý nhà nước chuyên ngành tổng hợp ý kiến chung kể cả ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có), báo cáo đề xuất UBND tỉnh ký văn bản gửi về Bộ quản lý chuyên ngành để được hướng dẫn thực hiện, đồng gửi Sở Tài chính theo dõi.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổ chức, triển khai đầy đủ và kịp thời các văn bản pháp luật về giá, quy trình thực hiện để các cơ quan chuyên môn thuộc cấp huyện quản lý; tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại địa phương thực hiện theo đúng quy định.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức định giá, điều chỉnh giá, thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo phân cấp.

c) Ban hành quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ khi cơ quan chuyên môn thuộc cấp huyện trình duyệt.

d) Tham gia, phối hợp với sở quản lý nhà nước chuyên ngành định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ; tham gia, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu vướng về chuyên môn thuộc lĩnh vực của Sở quản lý nhà nước chuyên ngành thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề xuất gửi về sở quản lý nhà nước chuyên ngành để được hướng dẫn về chuyên môn.

e) Tổng hợp báo cáo tình hình kết quả, triển khai thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc yêu cầu các cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời đề xuất bằng văn bản gửi về sở quản lý nhà nước chuyên ngành xem xét, tổng hợp, sau đó gửi Sở Tài chính để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Cần

